

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
 Lần đầu: 27/02/2019

**THUỐC DẠ DÀY**  
**Aquima**

**ANTACID SUSPENSION**  
**Aquima**

**Điều trị các triệu chứng**

- **KHO TIÊU**
- **Ồ NỌNG**
- **ĐÁY HỒI**
- **TĂNG TIẾT ACID**

**Thành phần**

Mỗi gói 10ml chứa	460 mg
Aluminium hydroxide gel	460 mg
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)	
Magnesium hydroxide	400 mg
(magnesium hydroxide paste 30%)	
Simethicone	50 mg
(as simethicone emulsion 30%)	

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống  
**Quy cách đóng gói:** Hộp 20 gói 10 ml  
**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc  
**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C  
**TCCI:** TCCS  
**Lưu ý trước khi dùng**  
**SDK/ Visa No.:**

Để xa tầm tay trẻ em  
 Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
 Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



ISX:  
NSX:  
HSD:

**THUỐC DẠ DÀY**  
**Aquima**

**Điều trị các triệu chứng**

- **KHO TIÊU**
- **Ồ NỌNG**
- **ĐÁY HỒI**
- **TĂNG TIẾT ACID**


**Thành phần**

Mỗi gói 10ml chứa	460 mg
Aluminium hydroxide gel	460 mg
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)	
Magnesium hydroxide	400 mg
(magnesium hydroxide paste 30%)	
Simethicone	50 mg
(as simethicone emulsion 30%)	

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống  
**Quy cách đóng gói:** Hộp 20 gói 10 ml  
**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc  
**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C  
**TCCI:** TCCS  
**Lưu ý trước khi dùng**  
**SDK/ Visa No.:**

Để xa tầm tay trẻ em  
 Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
 Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



ISX:  
NSX:  
HSD:



90 ml



**Aquima**  
THUỐC DẠ DÀY

THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**

**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dạng magesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bao chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 90 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lưu ý trước khi dùng**

**SDK/ Visa No.:**

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**



Điều trị các triệu chứng

- **KHÓ TIÊU**
- **Ợ NỒNG**
- **ĐÁY HƠI**
- **TĂNG TIẾT ACID**

ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 90 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING

90 ml

Manufactured by  
**MERAP GROUP**  
Tan Tien, Van Giang, Hung Yen, Vietnam



ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**



Therapeutic indications

- **DYSPEPSIA**
- **HEARTBURN**
- **FLATULENCE**
- **EXCESS ACIDITY**

LSX:

NSX:

HSD:

90 ml



**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dạng emulsi magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dạng emulsi simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 90 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các**

**thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lưu ý trước khi dùng**

ĐỂ XA TÁM TAY TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

LSX

HD

Sản xuất bởi MERAP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam

# Aquima

THUỐC DẠ DÀY



Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- Ợ NỒNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 90 ml bottle

**Indication, administration, contraindication**

**and other information:** See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

90 ml

Manufactured by MERAP

MERAP GROUP

Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

120 ml



# Aquima

### Thành phần

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:

Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)

Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)

Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bao chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 120 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trang to hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bao quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

**SDK/ Visa No.:**

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



# Aquima



Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- O NỒNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID

# Aquima

### Composition

Each 10 ml suspension contains:

Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)

Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)

Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 120 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING

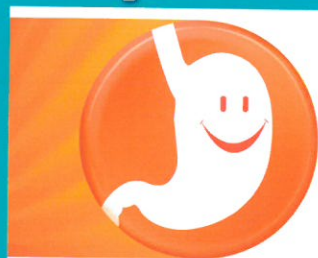
120 ml

Manufactured by  
**MERAP GROUP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

# Aquima

THUỐC DÀ DÀY

# Aquima



Therapeutic indications

- DYSPESIA
- HEARTBURN
- FLATULENCE
- EXCESS ACIDITY



LSX:

NSX:

HSD:

120 ml



**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 120 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lưu ý trước khi dùng**

ĐỂ XA TÁM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

LSX:  
HD:

Sản xuất bởi  MERAP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam

THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**



Điều trị các triệu chứng

- KHÔ TIÊU
- Ợ NÓNG
- Đầy hơi
- Tăng tiết acid

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 120 ml bottle

**Indication, administration, contraindication**

**and other information:** See package insert


**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

120 ml

Manufactured by  MERAP

MERAP GROUP  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

150 ml



**Aquima**  
THUỐC DA DÀY

THUỐC DA DÀY  
**Aquima**

**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 150 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lưu ý trước khi dùng**

**SĐK/ Visa No.:**

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



THUỐC DA DÀY  
**Aquima**



Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- O NÓNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID

ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 150 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**  
See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING

150 ml

Manufactured by  
**MERAP GROUP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**



Therapeutic indications

- DYSPEPSIA
- HEARTBURN
- FLATULENCE
- EXCESS ACIDITY



LSX:

NSX:

HSD:

150 ml



**Thành phần**  
Mỗi 10 ml suspension chứa:  
Nhôm hydroxyd gel ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dạng maggesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dạng simethicon emulsion 30%)  
**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống  
**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 150 ml  
**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc  
**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C  
**TCC:** TCCS  
**Lưu ý trước khi dùng**  
**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM**  
**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**  
LSX  
HD  
Sản xuất bởi **MERAP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam

# THUỐC DẠ DÀY

# Aquima

Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- Ợ NÓNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID

**Composition**  
Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351,9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)  
**Dosage form:** Oral suspension  
**Packaging:** Box of a 150 ml bottle  
**Indication, administration, contraindication and other information:** See package insert  
**Specification:** Manufacturer's  
**Storage:** In dry place, below 30 °C  
**Shake well before using**  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN**  
**CAREFULLY READ THE PACKAGE INSERT BEFORE USING**  
**150 ml**  
Manufactured by **MERAP**  
**MERAP GROUP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

180 ml



**Aquima**  
THUỐC DẠ DÀY

THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**

**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:**

Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:**

Hộp 1 chai 180 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:**

Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

**SĐK/ Visa No.:**

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**



Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- Ợ NÓNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID

ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel .... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:**

Oral suspension

**Packaging:**

Box of a 180 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING

180 ml

Manufactured by  
**MERAP GROUP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam



ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**



Therapeutic indications

- DYSPEPSIA
- HEARTBURN
- FLATULENCE
- EXCESS ACIDITY

LSX:

NSX:

HSD:



180 ml



**Thành phần:**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 180 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCl:** TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG**

LSX:

HD:

Sản xuất bởi



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam

**THUỐC DẠ DÀY**  
**Aquima**

Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- Ợ NỔNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID



**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 180 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING**

180 ml

Manufactured by



**MERAP GROUP**

Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam

210 ml



**Aquima**  
THUỐC DẠ DÀY

THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**

**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:**

Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:**

Hộp 1 chai 210 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:**

Nơi khô, dưới 30 °C

TCCL: TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

SDK/ Visa No.:

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG

Sản xuất bởi  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**



Điều trị các triệu chứng

- **KHO TIÊU**
- **Ợ NỔNG**
- **ĐÁY HƠI**
- **TĂNG TIẾT ACID**

ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**

**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ..... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:**

Oral suspension

**Packaging:**

Box of a 210 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING

210 ml

Manufactured by  
**MERAP GROUP**  
Tan Tien, Van Giang, Hung Yen, Vietnam



ANTACID SUSPENSION  
**Aquima**



Therapeutic indications

- **DYSPEPSIA**
- **HEARTBURN**
- **FLATULENCE**
- **EXCESS ACIDITY**

LSX:

NSX:

HSD:

210 ml



**Thành phần**

Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:  
Nhôm hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 1 chai 210 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG**

LSX:

HD:

Sản xuất bởi



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam

THUỐC DẠ DÀY  
**Aquima**

Điều trị các triệu chứng

- KHÓ TIÊU
- Ợ NÓNG
- ĐÁY HƠI
- TĂNG TIẾT ACID



**Composition**

Each 10 ml suspension contains:  
Dried aluminium hydroxide gel ... 460 mg  
(Aluminium hydroxide 351.9 mg)  
Magnesium hydroxide ..... 400 mg  
(as magnesium hydroxide paste 30%)  
Simethicone ..... 50 mg  
(as simethicone emulsion 30%)

**Dosage form:** Oral suspension

**Packaging:** Box of a 210 ml bottle

**Indication, administration, contraindication and other information:**

See package insert

**Specification:** Manufacturer's

**Storage:** In dry place, below 30 °C

**Shake well before using**

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
CAREFULLY READ THE PACKAGE  
INSERT BEFORE USING**

210 ml

Manufactured by



**MERAP GROUP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Vietnam



**Thành phần**  
Mỗi gói 10ml chứa:  
Nhom hydroxyd gel khô ..... 460 mg  
(Nhom hydroxyd 351,9 mg)  
Magnesi hydroxyd ..... 400 mg  
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)  
Simethicon ..... 50 mg  
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)

**Dạng bào chế:** Hôn dịch uống

**Quy cách đóng gói:** Hộp 20 gói 10 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc


**Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TCCL:** TCCS

**Lắc kỹ trước khi dùng**

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

LSX:  
HD:

Sản xuất bởi  
 **MERAP** GROUP  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



# THUỐC DẠ DÀY

# Aquima

## ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

### THÀNH PHẦN: Mỗi 10 ml chứa

Thành phần dược chất:	460 mg
Nhôm hydroxyd gel khô	400 mg
(Nhôm hydroxyd 351,9 mg)	
Magnesi hydroxyd	50 mg
(dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%)	
Simethicon	
(dưới dạng simethicon emulsion 30%)	

Thành phần tá dược: Natri carboxymethyl cellulose, carrageenan, glycerin, sorbitol, sucralose, methyl parahydroxybenzoat, propyl parahydroxybenzoat, hương chanh, hương bạc hà, nước tinh khiết

### DẠNG BÀO CHẾ

Hỗn dịch uống  
Hỗn dịch màu trắng, đóng trong chai 90 ml, 120 ml, 150 ml, 180 ml và 210 ml hoặc gói 10 ml

### CHỈ ĐỊNH

Điều trị các triệu chứng: Khó tiêu, ợ nóng, đầy hơi, tăng tiết acid

### CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

**Liều dùng**  
Người lớn và trẻ em từ 5 tuổi trở lên: Uống 5 – 10 ml sau bữa ăn 20 phút đến 1 giờ và trước khi đi ngủ, hoặc khi cần  
Người cao tuổi: Khuyến cáo sử dụng liều dùng như người lớn  
Trẻ em dưới 5 tuổi: Uống với liều bằng một phần liều người lớn. Tối đa 5 ml

### Cách dùng

Sử dụng đường uống. Lắc kỹ trước khi dùng

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc, bệnh nhân bị tổn thương hoặc suy nhược nghiêm trọng do suy thận, hoặc giảm phosphate máu

### CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Nhôm hydroxyd có thể gây táo bón và quá liều các muối của magnesi có thể gây giảm nhu động ruột. Uống liều lượng lớn Aquima có thể gây ra hoặc làm nghiêm trọng hơn sự tắc ruột ở bệnh nhân có nguy cơ cao, ví dụ như ở bệnh nhân cao tuổi hoặc suy thận  
Nhôm hydroxyd không được hấp thu tốt ở đường tiêu hóa, do đó hiếm khi có tác động trên toàn thân với bệnh nhân có chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, khi sử dụng Aquima quá nhiều hoặc kéo dài, hoặc với liều thông thường ở bệnh nhân có khẩu phần ăn ít phospho có thể dẫn đến thiếu phosphate (do liên kết nhôm – phosphate), làm tăng phá hủy xương và tăng canxi niệu, loãng xương. Cần thận trọng trong các trường hợp sử dụng thuốc kéo dài hoặc bệnh nhân có nguy cơ thiếu hụt phosphate  
Ở bệnh nhân suy thận, nồng độ của nhôm và magnesi trong huyết tương tăng, nếu sử dụng nhiều và kéo dài muối nhôm và magnesi có thể dẫn đến bệnh sa sút trí tuệ, thiếu máu hồng cầu nhỏ

Nhôm hydroxyd có thể không an toàn đối với bệnh nhân rối loạn chuyển hóa porphyrin đang được thẩm tách máu

Aquima có chứa sorbitol, do đó không sử dụng ở những người mắc bệnh không dung nạp fructose do di truyền

Ở trẻ nhỏ, sử dụng magnesi hydroxyd có thể gây tăng magnesi máu, đặc biệt khi trẻ bị suy giảm chức năng thận hoặc mất nước

Thuốc chứa methyl parahydroxybenzoat, propyl parahydroxybenzoat có thể gây dị ứng (phản ứng dị ứng muộn)

### SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ PHỤ NỮ CHO CON BÚ

**Phụ nữ có thai**  
An toàn của Aquima trên phụ nữ có thai chưa được thiết lập. Phụ nữ có thai cần tham vấn ý kiến bác sĩ trước khi dùng thuốc

**Phụ nữ cho con bú**  
Do được hấp thu có giới hạn ở người mẹ, nên khi sử dụng theo khuyến cáo, dự kiến chỉ một lượng rất nhỏ nhôm hydroxyd và muối magnesi được bài tiết vào trong sữa

Simethicon không được hấp thu từ đường tiêu hóa

Không có ảnh hưởng đối với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ khi bú sữa mẹ do nồng độ nhôm hydroxyd, magnesi hydroxyd và simethicon toàn thân ở phụ nữ cho con bú là không đáng kể

**ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

### TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ

Không nên dùng đồng thời Aquima với các thuốc khác do Aquima có thể ảnh hưởng đến sự hấp thu của các thuốc khác trong vòng 1 giờ sau khi uống

Thành phần nhôm trong thuốc có thể cản trở sự hấp thu của các thuốc như các tetracyclin, các vitamin, ciprofloxacin, ketoconazole, hydroxychloroquine, chloroquine, rifampicin, cefdinir, cefpodoxime, levothyroxine, rosuvastatin

Thành phần simethicon trong thuốc có thể liên kết với levothyroxine, làm chậm hấp thu của levothyroxine

Cần thận trọng khi sử dụng đồng thời với polystyrene sulfonate do nguy cơ tiềm ẩn làm giảm hiệu lực gắn kali của resin, gây nhiễm kiềm chuyển hóa ở bệnh nhân suy thận (đã được báo cáo với nhôm hydroxyd và magnesi hydroxyd) và bệnh nhân tắc ruột (đã được báo cáo với nhôm hydroxyd)

Cần thận trọng khi sử dụng đồng thời với các citrat do có thể làm tăng nồng độ nhôm trong máu, đặc biệt đối với bệnh nhân suy thận

Sự kiểm hóa nước tiểu phụ thuộc vào việc sử dụng magnesi hydroxyd có thể làm thay đổi sự bài tiết một số loại thuốc: Tăng bài tiết salicylates đã được ghi nhận



### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Ngừng sử dụng thuốc Aquima và gặp bác sĩ hoặc đến bệnh viện ngay lập tức nếu có triệu chứng phát ban da (đỏ và sưng da), sưng mí mắt, mặt, môi, miệng hay lưỡi, khó thở hoặc khó nuốt. Các triệu chứng này có thể là dấu hiệu của phản ứng dị ứng  
Các tác dụng không mong muốn được liệt kê dưới đây theo hệ cơ quan, tần suất gặp và mức độ nghiêm trọng, với quy ước về tần suất gặp: Rất thường gặp:  $\geq 1/10$ ; thường gặp:  $\geq 1/100$  đến  $< 1/10$ ; ít gặp:  $\geq 1/1000$  đến  $< 1/100$ ; hiếm gặp:  $\geq 1/10.000$  đến  $< 1/1000$ ; rất hiếm gặp:  $< 1/10.000$  và không được biết đến (không thể đánh giá dựa trên dữ liệu hiện có)

### Rối loạn hệ thống miễn dịch

*Không được biết đến:* Các phản ứng quá mẫn, ví dụ như: ngứa, nổi mề đay, phù mạch và các phản ứng phản vệ

### Rối loạn tiêu hóa

*Ít gặp:* Tiêu chảy hoặc táo bón

*Không được biết đến:* Đau bụng

### Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng

*Rất hiếm gặp:* Tăng magnesi máu, bao gồm triệu chứng quan sát được sau khi dùng magnesi hydroxyd kéo dài ở bệnh nhân suy thận

*Không được biết đến:* Tăng nồng độ nhôm trong máu, giảm phosphate máu, khi sử dụng thuốc kéo dài hoặc ở liều cao hoặc thậm chí liều bình thường ở bệnh nhân có chế độ ăn phospho thấp có thể làm tăng canxi niệu và tăng phá hủy xương, chứng nhuyễn xương

**Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**

### QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

#### Dấu hiệu và triệu chứng quá liều

Ít khi xảy ra các triệu chứng nghiêm trọng khi quá liều

Các triệu chứng quá liều cấp tính đã được báo cáo đối với dạng kết hợp giữa nhôm hydroxyd và muối magnesi bao gồm: Đau bụng, tiêu chảy, nôn

Sử dụng một liều lớn thuốc này có thể gây ra hoặc làm nghiêm trọng hơn sự tắc ruột ở bệnh nhân có nguy cơ cao, ví dụ như ở người cao tuổi hoặc suy thận

#### Xử trí khi quá liều

Nhôm và magnesi được thải trừ qua nước tiểu. Điều trị quá liều cấp tính bằng cách tiêm tĩnh mạch calcium gluconate, kết hợp với bù nước và lợi tiểu cưỡng bức. Trong trường hợp suy giảm chức năng thận, thăm phân phức mạc hoặc thăm tách máu là cần thiết

#### QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 chai, mỗi chai đóng một trong các thể tích: 90 ml, 120 ml, 150 ml, 180 ml, 210 ml

Hộp 20 gói 10 ml

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, dưới 30 °C

**TIÊU CHUẨN:** Tiêu chuẩn cơ sở

#### HẠN SỬ DỤNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất

6 tháng sau khi mở nắp



Sản xuất bởi  MERAP GROUP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP**  
Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên, Việt Nam



*hm*  
**TU QU CỤC TRƯỞNG**  
**P. TRƯỞNG PHÒNG**  
*Chu Quốc Thịnh*